

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 25/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 477/TTr-SNNMT ngày 01 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, các địa phương triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPTD;
- Lưu: VT, K13.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh;
- Xác định được lộ trình, nguồn lực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, danh mục các chương trình, dự án ưu tiên cho giai đoạn đến năm 2030 bảo đảm đạt được các mục tiêu của Quy hoạch không gian biển quốc gia theo Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh, nhằm giải quyết, xử lý các mâu thuẫn, chồng lấn về không gian trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển; thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế biển, kết cấu hạ tầng biển, ven biển; bảo vệ, bảo tồn các giá trị tự nhiên, di sản văn hoá - lịch sử trên các vùng đất ven biển và vùng biển của Bình Định; tháo gỡ các điểm nghẽn, vướng mắc, bất cập, tiếp tục thu hút các nguồn lực trong xã hội trong việc thực hiện quy hoạch;
- Phân công rõ trách nhiệm, nhiệm vụ và bảo đảm sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và địa phương ven biển để thực hiện đồng bộ, hiệu quả Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy việc triển khai các chương trình, dự án có liên quan trong phạm vi vùng bờ đã được phê duyệt.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm thực hiện đồng bộ, có tính khả thi, linh hoạt, liên kết, kết nối, liên ngành, liên địa phương trên địa bàn tỉnh, thống nhất, không mâu thuẫn, trùng

lập, chồng chéo với các chương trình, kế hoạch, dự án, nhiệm vụ của các ngành, của tỉnh đang triển khai thực hiện hoặc có trong Danh mục các dự án thuộc các quy hoạch ngành quốc gia khác, Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung¹, Quy hoạch tỉnh Bình Định² thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt;

- Phù hợp với Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nguồn lực tài chính và nhân lực, khoa học, kỹ thuật và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh; không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; huy động tối đa các nguồn lực, sự tham gia của các thành phần kinh tế và các bên liên quan; phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, tối ưu và hiệu quả; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, đầu tư công để tạo bứt phá, dẫn dắt thu hút nguồn vốn đầu tư từ xã hội để hiện thực hoá những nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá trong Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ cho giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

II. CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH ĐẾN NĂM 2030

1. Các nhóm nhiệm vụ trọng tâm

a) Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách

- Lập, rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ;

- Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh theo Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Phối hợp hoàn thành phân định ranh giới quản lý hành chính trên biển giữa Bình Định, Quảng Ngãi và Phú Yên theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”;

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tập trung thu hút phát triển các ngành kinh tế có lợi thế ở vùng ven biển;

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi và xây dựng các cơ chế, chính sách pháp luật phục vụ phát triển kinh tế biển thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phát triển, hoàn thiện cơ sở hạ tầng ven biển, biển và hải đảo phục vụ

¹ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024

² Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14 năm 12 năm 2023

phát triển các ngành kinh tế biển, phát triển kinh tế - xã hội ở vùng bờ

- Triển khai các chương trình, dự án, nhiệm vụ về phát triển cơ sở hạ tầng ven biển, biển và hải đảo (hệ thống cảng cá, cảng biển; hệ thống giao thông kết nối cảng biển với nội địa; hệ thống đường hàng không, đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa; hệ thống thông tin liên lạc biển; hệ thống đê biển, đê cửa sông; dịch vụ logistics gắn với phát triển ngành vận tải biển) theo hướng đa mục tiêu, lưỡng dụng, đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng;

- Xây dựng cơ sở dịch vụ hậu cần đa chức năng trên các hải đảo (chủ yếu xã đảo Nhơn Châu) theo mô hình dân - quân kết hợp trong phát triển kinh tế biển đảo, gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển, đồng thời phát triển các hải đảo theo hướng kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp, có khả năng chống chịu cao gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

c) Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên và phát triển các ngành kinh tế biển ở vùng bờ theo hướng xanh, tuần hoàn các-bon thấp

- Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ trong Quy hoạch tỉnh;

- Rà soát, điều chỉnh hành lang bảo vệ bờ biển đã được thiết lập, cấm mốc theo Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh và Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển của tỉnh và thực hiện cấm mốc, khôi phục các mốc giới theo hành lang bảo vệ bờ biển được điều chỉnh;

- Triển khai các nhiệm vụ phát triển các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản; (4) Công nghiệp và đô thị ven biển; (5) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; (6) Khai thác các tài nguyên khoáng sản biển theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống các sản phẩm du lịch biển, đảo của tỉnh theo hướng xanh, bền vững, có trách nhiệm gắn với nâng cao đời sống văn hoá, xã hội của cư dân vùng biển, đảo;

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển thủy sản giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Thực hiện phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định;

- Lập hồ sơ kiểm kê, xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng

cảnh cấp tỉnh; phối hợp lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xếp hạng di tích cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt; thực hiện kiểm kê, lập hồ sơ đưa di sản văn hóa phi vật thể vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, di sản thế giới; qua đó bảo tồn và phát huy giá trị di sản, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa, truyền thống lịch sử gắn với phát triển xã hội thân thiện, bền vững với biển.

d) Điều tra cơ bản, điều tra đánh giá tài nguyên biển, vùng bờ phục vụ phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ, nhu cầu bảo tồn và phát triển kinh tế - xã hội

- Khảo sát, điều tra, đánh giá và xác định các khu vực có thể lấn biển để phát triển bền vững vùng bờ tỉnh theo Kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2023;

- Điều tra, đánh giá và xác định các khu vực khai thác cát biển trên cơ sở các khu vực tiềm năng khai thác vật liệu xây dựng đã được xác định trong Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Điều tra, đánh giá các sinh cảnh quan trọng bị suy thoái, phá hủy, đặc biệt là các rạn san hô, rừng ngập mặn; các loài hoang dã nguy cấp, bị đe dọa tuyệt chủng; các nguồn gen bản địa quý, hiếm và có giá trị kinh tế cao.

đ) Bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và bảo tồn đa dạng sinh học biển

- Xây dựng và vận hành các trạm quan trắc môi trường tự động tại các vùng cửa sông, vùng biển ven bờ;

- Triển khai Đề án nhiệm vụ “Duy trì và vận hành hệ thống các trạm quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh” theo Quyết định số 3301/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Triển khai quan trắc môi trường nước biển ven bờ và trầm tích biển trong Kế hoạch quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định giai đoạn 2025 - 2030;

- Triển khai các kế hoạch, hoạt động về quản lý rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh.

- Thành lập mới các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phục hồi các hệ sinh thái biển;

- Bảo vệ và phát triển bền vững rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn; phục hồi các hệ sinh thái, rạn san hô, cỏ biển và các hệ sinh thái khác bị suy thoái để tăng diện tích bảo tồn, bảo vệ biển;

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Quốc gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024;

- Kiểm soát, quản lý các nguồn thải và giải quyết các điểm nóng ô nhiễm môi trường trên biển, các vùng đất ven biển và đảo trên địa bàn tỉnh;

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án “Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định” được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 3785/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2021;

- Thực hiện phòng, chống tội phạm về đa dạng sinh học trên các vùng biển, hải đảo của tỉnh;

- Tăng cường nâng cao ý thức, nhận thức cho cộng đồng dân cư ven biển trong bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ, bảo vệ môi trường, các loài sinh vật biển, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, thực hiện trách nhiệm xã hội về bảo vệ tài nguyên, môi trường vùng bờ.

e) Phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, tăng cường phát triển nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế về biển, đảo

- Triển khai các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ vào công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo và trong phát triển các ngành kinh tế biển;

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong các ngành kinh tế biển;

- Phối hợp với các tổ chức nước ngoài triển khai các dự án hợp tác quốc tế liên quan bảo vệ tài nguyên và môi trường biển và hải đảo.

2. Nguồn lực và sử dụng nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch

a) Nguyên tắc xác định nguồn vốn sử dụng để thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ trong Kế hoạch

- Nguyên tắc xác định sử dụng vốn đầu tư công:

- + Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng trọng điểm, có quy mô lớn, mang tính liên địa phương, liên ngành có sức lan tỏa cao, giải quyết nhu cầu thiết yếu, nút thắt đối với các vùng biển, ven biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh;

- + Phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công để thúc đẩy, thu hút nguồn lực xã hội tham gia các công trình đầu tư, đặc biệt các ngành kinh tế biển, cơ sở dữ liệu số hoá về biển và hải đảo, bảo đảm tính tích hợp, cập nhật và chia sẻ.

- Nguyên tắc xác định sử dụng vốn ngoài đầu tư công:

- + Bảo đảm nguồn vốn cho việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách; các dự án quản lý, khai thác tài nguyên biển, bảo vệ, bảo tồn các hệ sinh thái biển, quốc phòng, an ninh;

- + Tập trung cho công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; điều tra, đánh giá các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo; các mô

hình, giải pháp tích hợp kinh tế, sinh thái, môi trường và quốc phòng, an ninh để phát triển bền vững vùng ven biển và hải đảo; phòng, chống, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương.

b) Nguồn nhân lực thực hiện Kế hoạch

- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và Ủy ban nhân dân các địa phương ven biển căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi quản lý tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch;

- Huy động các tổ chức, cá nhân có liên quan cùng tham gia triển khai thực hiện Kế hoạch.

c) Danh mục các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ quan trọng, ưu tiên triển khai Kế hoạch (theo Phụ lục kèm theo)

3. Kế hoạch sử dụng đất

Hoạt động sử dụng đất ven biển và trên các hải đảo trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, Kế hoạch sử dụng đất hàng năm phù hợp với định hướng trong phân vùng sử dụng không gian biển liên quan khu vực tỉnh Bình Định tại Điều 4 Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia và phù hợp với định hướng trong phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ liên quan khu vực tỉnh Bình Định quy định tại Điều 1 Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, cụ thể như sau:

a) Theo Quy hoạch không gian biển quốc gia, tại nội dung phân vùng sử dụng không gian biển đối với vùng đất ven biển và các đảo, các quần đảo thuộc vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, nội dung liên quan khu vực tỉnh Bình Định như sau:

- Đối với vùng đất ven biển: Phát triển Bình Định thành trung tâm kinh tế biển gắn với khu cảng biển Quy Nhơn. Phát triển khu vực Bình Định thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng, giải trí, thể thao, thám hiểm biển có tầm quốc tế, trung tâm công nghiệp năng lượng tái tạo lớn, trung tâm nghề cá lớn, nuôi trồng thủy sản trên biển ứng dụng công nghệ cao;

- Đối với xã đảo Nhơn Châu và các đảo khác trên địa bàn tỉnh có tiềm năng, lợi thế, vị trí chiến lược, quan trọng, cần tiếp tục củng cố, bảo đảm quốc phòng, an ninh kết hợp phát triển một số ngành kinh tế và bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phù hợp với đặc thù của từng đảo.

b) Theo Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, tại nội dung phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ đối với vùng đất ven biển và các hải đảo thuộc vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, nội dung liên quan khu vực tỉnh Bình Định như sau:

- Về hạ tầng: Kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp và các cảng hàng không, cảng biển; hoàn thành tuyến đường bộ ven biển tại các địa phương trong vùng; nghiên cứu đầu tư, nâng cấp các tuyến đường cao tốc trục ngang kết nối cửa khẩu quốc tế với các cảng biển; nâng cấp, cải tạo và nâng cao hiệu quả khai thác cảng hàng không Phù Cát; tập trung nguồn lực đầu tư phát triển các cảng biển;

- Về phát triển các ngành kinh tế ưu tiên: Tập trung phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển, nhất là các ngành như: Du lịch và dịch vụ biển; Kinh tế hàng hải; Khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản; Công nghiệp và đô thị ven biển; Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; Khai thác các tài nguyên khoáng sản biển. Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Nhơn Hội, trong đó ưu tiên tập trung các khu kinh tế có vai trò quan trọng, có tính động lực đối với phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Đối với tiểu vùng Nam Trung Bộ (từ Bình Định đến Bình Thuận), nội dung liên quan khu vực tỉnh Bình Định bao gồm:

+ Phát triển các khu du lịch, đô thị du lịch biển có mức độ quốc tế hóa cao, liên kết các cơ sở du lịch biển với các cơ sở du lịch di sản, di tích văn hóa ven biển với trung tâm dịch vụ du lịch ở thành phố Quy Nhơn;

+ Xây dựng cảng biển tổng hợp trung chuyên hàng hóa trong nước, quốc tế và cảng chuyên dụng phục vụ du lịch, quốc phòng với trung tâm là khu cảng biển Quy Nhơn;

+ Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng xuất khẩu, công nghiệp chế biến thủy sản, khoáng sản biển tập trung tại các khu kinh tế ven biển trong khu vực (bao gồm Khu kinh tế Nhơn Hội); công nghiệp năng lượng tái tạo tập trung ở Bình Định, phát triển thành trung tâm công nghiệp năng lượng tái tạo lớn ở ven biển. Phát triển Khu kinh tế Nhơn Hội trở thành khu vực phát triển mạnh về kinh tế biển;

+ Nuôi trồng thủy sản, thủy sinh vật biển ứng dụng công nghệ cao với các trung tâm tập trung hoạt động nghề cá ở Bình Định.

- Phát triển các dịch vụ khoa học, công nghệ có tầm quốc tế về nghiên cứu biển, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái biển, dịch vụ đào tạo nhân lực khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực biển, hàng hải;

- Về bảo vệ, bảo tồn môi trường ven biển: Kiểm soát an toàn, xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường; tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo, giảm thiểu rác thải nhựa; tăng cường dự báo, đánh giá tác động để triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống thiên tai và đầu tư phát triển hạ tầng, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương

ven biển tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch này theo các giải pháp dưới đây:

1. Về triển khai các chương trình, dự án

- Bảo đảm tính đồng bộ, liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương; phân bổ nguồn lực không dàn trải, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn;

- Ưu tiên vốn đầu tư công cho các dự án hạ tầng kỹ thuật quy mô lớn mang tính liên địa phương và kết nối các địa phương động lực của tỉnh; kết hợp hài hoà giữa các nguồn lực, đầu tư công có tính dẫn dắt thu hút nguồn vốn đầu tư từ xã hội để hiện thực hoá những nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá trong Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ cho giai đoạn đến năm 2030;

- Phân cấp, phân quyền cho các địa phương đảm bảo quy định của pháp luật trong đầu tư kết cấu hạ tầng, đặc biệt là các công trình hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên biển, hải đảo.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cơ chế, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đặc biệt về phát triển cơ sở hạ tầng ven biển, biển và hải đảo phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển; phát triển các ngành kinh tế biển theo hướng xanh, tuần hoàn các-bon thấp; phát triển khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế về biển, đảo;

- Đổi mới mạnh mẽ chính sách và cách thức thu hút đầu tư nước ngoài; huy động vốn vay với điều kiện, lãi suất ưu đãi, phù hợp, hiệu quả, tập trung cho các dự án hạ tầng kỹ thuật quy mô lớn mang tính liên địa phương và kết nối các địa phương động lực của tỉnh, có tính dẫn dắt thu hút nguồn vốn đầu tư từ xã hội để hiện thực hoá những nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá trong Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ cho giai đoạn đến năm 2030;

- Định hướng thu hút các thành phần kinh tế ngoài nhà nước có uy tín và năng lực tài chính, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, hệ thống quản trị hiện đại, các tập đoàn, công ty lớn đầu tư vào thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ quan trọng, ưu tiên và các nhóm nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch, nhất là phát triển các ngành kinh tế biển theo hướng xanh, tuần hoàn các-bon thấp;

- Tích cực thu hút đầu tư vào khu vực ven biển, biển và hải đảo trên một số lĩnh vực phù hợp với tiềm năng thế mạnh của tỉnh như: du lịch nghỉ dưỡng; khai thác, chế biến thủy sản; logistics và dịch vụ cảng biển; năng lượng tái tạo.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

Thu hút và sử dụng hiệu quả trí tuệ, nguồn nhân lực ở tỉnh và trong nước,

nhất là các cán bộ khoa học kỹ thuật từ các trường đại học, viện nghiên cứu và các cơ sở đào tạo, nghiên cứu liên quan ở Bình Định, trong nước và nước ngoài.

4. Về bảo đảm an sinh xã hội

- Việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phải bảo đảm sinh kế, chuyển đổi nghề nghiệp và an sinh xã hội bền vững cho người dân bị ảnh hưởng trong vùng dự án, đặc biệt là các chương trình, dự án liên quan đến phát triển cơ sở hạ tầng ven biển, biển và hải đảo phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển;

- Từng bước chuyển đổi nghề, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm việc làm, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư ven biển và trên đảo.

5. Về khoa học, công nghệ, môi trường và hợp tác quốc tế

- Lựa chọn và tập trung hỗ trợ triển khai nghiên cứu ứng dụng phát triển công nghệ cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng, đặc biệt là các ngành kinh tế biển theo hướng xanh, tuần hoàn các-bon thấp; công nghệ thông tin, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong các hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng ven biển, biển và hải đảo; điều tra cơ bản tài nguyên biển;

- Tăng cường hợp tác với các tỉnh, tổ chức quốc tế, tổ chức tài chính, cơ quan tài trợ trong việc huy động nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ quan trọng, ưu tiên và các nhóm nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch.

6. Về bảo đảm nguồn lực tài chính

- Phân bổ, cơ cấu ngân sách tỉnh, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa chi đầu tư công với các nguồn chi khác theo hướng tăng dần cho chi đầu tư phát triển; cơ cấu lại các đầu tư theo hướng trọng tâm, trọng điểm và không dàn trải, nâng cao hiệu quả, hiệu lực phân bổ, giải ngân vốn đầu tư;

- Huy động các nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước từ các thành phần kinh tế trong và nước ngoài để triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ quan trọng, ưu tiên và các nhóm nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch.

7. Về bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội và các ngành kinh tế biển với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trên các vùng ven biển, biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh phù hợp với chiến lược, đề án quốc phòng, an ninh;

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng ven biển, biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Điều phối thực hiện Kế hoạch

Ban Chỉ đạo thực hiện chống khai thác IUU, chính sách phát triển thủy sản

và phát triển kinh tế biển³ là cơ quan điều phối liên ngành, liên địa phương chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch.

2. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các địa phương ven biển tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung liên quan

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tham mưu phối hợp Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp chính quyền và người dân hiểu đầy đủ, chính xác về Quy hoạch không gian biển quốc gia;

- Tham mưu chủ trì triển khai các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp chính quyền và người dân trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ, bảo vệ môi trường, các loài sinh vật biển, bảo tồn đa dạng sinh học; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, thực thi trách nhiệm xã hội về bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và vùng bờ;

- Chủ trì tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch và nội dung đề xuất điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ cho Ban Chỉ đạo thực hiện chống khai thác IUU, chính sách phát triển thủy sản và phát triển kinh tế biển và Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Phối hợp với Sở Tư pháp rà soát các văn bản pháp luật có liên quan để đảm bảo đồng bộ và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp với Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển, đảo.

b) Sở Tài chính

- Tham mưu chủ trì xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bảo đảm phù hợp Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ;

- Tham mưu chủ trì rà soát, đề xuất điều chỉnh Quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ;

- Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị liên quan, thực hiện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí vốn hoặc trình Hội đồng nhân dân

³ Ban Chỉ đạo thực hiện chống khai thác IUU, chính sách phát triển thủy sản và phát triển kinh tế biển được hợp nhất từ Ban Chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về khai thác bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định tình Bình Định, Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định 48/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa trên địa bàn tỉnh Bình Định và Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tỉnh Bình Định theo Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt phương án sắp xếp các Ban Chỉ đạo do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

tỉnh bố trí ngân sách tỉnh để triển khai các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ quan trọng, ưu tiên và các nhóm nhiệm vụ trọng tâm trong Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

c) Sở Ngoại vụ

- Tham mưu việc thực hiện các điều ước, thỏa thuận hợp tác quốc tế về các dự án liên quan khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh;

- Tham mưu công tác đối ngoại và thúc đẩy hợp tác quốc tế nhằm thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ việc triển khai Kế hoạch;

- Tham mưu chủ trì, phối hợp triển khai Quy chế phối hợp quản lý biên giới quốc gia trên biển và khu vực biên giới biển tại tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024.

d) Sở Nội vụ

- Tham mưu phối hợp với các Bộ, ban, ngành Trung ương hoàn thành phân định ranh giới quản lý hành chính trên biển giữa Bình Định, Quảng Ngãi và Phú Yên;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương ven biển tiếp tục tham mưu kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển, đảo;

- Chủ trì, phối hợp tham mưu chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông có liên quan: rà soát, đánh giá các khu vực hạ tầng viễn thông có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các tác động của biến đổi khí hậu (ngập lụt, xói mòn, nước biển dâng) và đề xuất giải pháp bảo vệ (nâng cấp trạm BTS, di chuyển cột anten); bảo đảm hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông tại khu vực ven biển đáp ứng tiêu chuẩn an toàn, chống chịu thiên tai và biến đổi khí hậu;

- Tham mưu chủ động đề xuất các giải pháp tạo điều kiện thuận lợi phát triển thêm tuyến cáp quang biển, trạm cập bờ cáp quang biển quốc tế (nếu có) theo mục tiêu của Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch khác có liên quan đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Tham mưu phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đánh giá tác động môi trường của các dự án hạ tầng viễn thông, trung tâm dữ liệu được xây dựng, phát triển tại các vùng ven biển, bảo đảm không gây ô nhiễm hoặc ảnh hưởng đến hệ sinh thái biển.

- Tham mưu chủ trì, phối hợp xây dựng và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ bảo vệ tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và phát triển bền vững kinh tế biển.

e) Sở Tư pháp

Tham mưu chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát các văn bản pháp luật có liên quan để đảm bảo đồng bộ và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh.

g) Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất thực hiện các Quy hoạch, Kế hoạch về năng lượng, các dự án năng lượng mới, năng lượng tái tạo đăng ký đầu tư phát triển ven biển, trên biển trên địa bàn tỉnh;

- Tham mưu triển khai Chương trình khuyến công hằng năm, ưu tiên các đề án hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến thủy sản nhằm mang lại giá trị từ kinh tế biển;

- Tham mưu triển khai nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh; trong đó, có ngành chế biến thủy sản theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

h) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống các sản phẩm du lịch biển, đảo của tỉnh; xúc tiến, quảng bá du lịch biển, đảo; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch;

- Lập hồ sơ kiểm kê, xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cấp tỉnh; phối hợp lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xếp hạng di tích cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt.

i) Sở Xây dựng

Tham mưu rà soát, đề xuất điều chỉnh, lập quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

k) Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu chủ trì, phối hợp triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển trong hệ thống giáo dục; tổ chức các chương trình hướng nghiệp để định hướng cho học sinh học tập, tìm hiểu các ngành nghề liên quan đến kinh tế biển và đại dương;

- Tham mưu tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, học viên và học sinh về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam và vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt của biển, đại dương đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên về biển, đảo Việt Nam;

- Tham mưu tăng cường tích hợp giáo dục về biển, đảo, đại dương, bảo tồn

đa dạng sinh học biển, bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao cho học viên và học sinh.

l) Sở Y tế

Tham mưu chủ trì triển khai hoàn thiện hệ thống y tế khu vực ven biển, biển và hải đảo.

m) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

Tham mưu thu hút các nhà đầu tư có năng lực thực hiện các dự án tại Khu kinh tế Nhơn Hội và các khu công nghiệp ven biển trên địa bàn tỉnh, trọng tâm các lĩnh vực du lịch, dịch vụ, đô thị, công nghiệp; tham mưu xây dựng và thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế biển tại các Khu kinh tế, Khu công nghiệp.

n) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Tham mưu đối với công tác bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển; duy trì an ninh, trật tự, đấu tranh với các phương thức, thủ đoạn hoạt động của thế lực thù địch, phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở khu vực biên giới biển, cửa khẩu theo quy định của pháp luật;

- Tham mưu, tham gia ý kiến đối với các chương trình, đề án, dự án đầu tư có liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên biển phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, bảo đảm kết hợp phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

o) Công an tỉnh

Tham mưu công tác bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển, đảm bảo ổn định an ninh quốc gia, an ninh trật tự; góp phần nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng không gian biển, xây dựng quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển.

p) Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh

Tham mưu xây dựng các đề xuất dự án, thu hút các nguồn tài trợ thực hiện, điều phối và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

q) Ngoài các nhiệm vụ cụ thể nêu trên, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các địa phương ven biển tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tham mưu triển khai các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bảo đảm phù hợp Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ;

- Tham mưu lập, rà soát, đề xuất điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ;

- Tham mưu kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về quy hoạch;

- Tham mưu triển khai và có phương án huy động mọi nguồn lực để triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ quan trọng, ưu tiên và các nhóm nhiệm vụ trọng tâm trong Kế hoạch;

- Tham mưu phối hợp các Bộ, ban, ngành Trung ương triển khai các chương trình, đề án, dự án quan trọng, ưu tiên thực hiện và xây dựng các thể chế, chính sách, tiêu chí và giải pháp được quy định trong Nghị quyết số 37/NQ-CP và Quyết định số 236/QĐ-TTg;

- Phối hợp Sở Tài chính đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí ngân sách tỉnh để triển khai các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ quan trọng, ưu tiên và các nhóm nhiệm vụ trọng tâm trong Kế hoạch;

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp chính quyền và người dân trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ, bảo vệ môi trường, các loài sinh vật biển, bảo tồn đa dạng sinh học; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, thực thi trách nhiệm xã hội về bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và vùng bờ;

- Định kỳ tổng kết, gửi báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch và nội dung đề xuất điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 11 hằng năm để tổng hợp, trình Ban Chỉ đạo thực hiện chống khai thác IUU, chính sách phát triển thủy sản và phát triển kinh tế biển và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các địa phương ven biển phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) xem xét, quyết định./.

Phụ lục

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG, ƯU TIÊN TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 37/NQ-CP NGÀY 27 THÁNG 02 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ BAN HÀNH KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN QUỐC GIA VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 236/QĐ-TTG NGÀY 25 THÁNG 01 NĂM 2025 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỔNG THỂ KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN VÙNG BỜ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

STT	Tên chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì tham mưu xây dựng các quy hoạch liên quan	Các bộ, ban, ngành Trung ương liên quan; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển khác	2025 - 2030
2	Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng ven biển, hải đảo đa mục tiêu, lưỡng dụng, đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì tham mưu các dự án liên quan	Các bộ, ban, ngành Trung ương liên quan; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển khác	2025 - 2030
3	Đầu tư xây dựng các công trình chống sạt lở bờ biển trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển được Ủy ban nhân dân tỉnh	Các bộ, ban, ngành Trung ương liên quan; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển khác	2025 - 2030

		giao chủ trì tham mưu các dự án liên quan		
4	Lập hồ sơ kiểm kê, xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cấp tỉnh; phối hợp lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xếp hạng di tích cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển	2025 - 2030
5	Phát triển các hải đảo (chủ yếu xã đảo Nhơn Châu) theo hướng kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp, có khả năng chống chịu cao gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì tham mưu các dự án liên quan	Các bộ, ban, ngành Trung ương liên quan; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển khác	2025 - 2030
6	Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ban, ngành Trung ương liên quan; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển	2026 - 2030
7	Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ trong quy hoạch tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ban, ngành Trung ương liên quan; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển	2026 - 2030
8	Rà soát, điều chỉnh hành lang bảo vệ bờ biển và thực hiện cấm mốc, khôi phục các mốc giới theo hành lang bảo vệ bờ biển được điều chỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ban, ngành Trung ương liên quan; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển	2026 - 2030

9	Thành lập Khu dự trữ thiên nhiên đầm Thị Nại	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển	2026 - 2030
10	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển thủy sản giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển	2026 - 2030
11	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp chính quyền và người dân trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ, bảo vệ môi trường, các loài sinh vật biển, bảo tồn đa dạng sinh học; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, thực thi trách nhiệm xã hội về bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và vùng bờ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển	2025 - 2030
12	Duy trì và vận hành Trạm quan trắc nước biển ven bờ tự động, liên tục tại thành phố Quy Nhơn ⁴	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển	2025 - 2030
13	Quan trắc môi trường nước biển ven bờ và trầm tích biển	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển	2025 - 2030
14	Đào tạo, tập huấn sơ cấp cứu chuyên sâu cho ngư dân, lực lượng cứu hộ biển	Sở Y tế	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển	2025 - 2030
15	Dự án “Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp luồng Quy Nhơn cho tàu 50.000 DWT”	Ban Quản lý dự án Hàng hải (Bộ Xây dựng)	Sở Xây dựng; các sở, ban, ngành, Ủy ban	2025

⁴ Kết quả dự án “Xây dựng, lắp đặt và vận hành các trạm quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh” (hoàn thành năm 2023).

			nhân dân địa phương ven biển liên quan	
16	Phát triển các dự án năng lượng tái tạo ven biển, trên biển và hải đảo	Sở Công Thương	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển liên quan	2025 - 2030
17	Thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án “Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định” ⁵	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển	2021 - 2030
18	Dự án “Hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về chất thải nhựa đại dương trong bối cảnh phục hồi xanh hậu COVID-19 tại Việt Nam”	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2025 - 2030
19	Dự án “Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam - tỉnh Bình Định”	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương ven biển	2024 - 2030

⁵ Theo Quyết định số 3785/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh